TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 06-01-2021
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và Yêu cầu hủy giấy CNQSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Đằng
2. Bà Đặng Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:
Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 12 năm 2020 và ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2020/TLST-DS, ngày 28 tháng 7 năm 2020, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1937;

2. Bà Phạm Thị Ngọc H1 (vợ ông T), sinh năm 1945;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp AL, xã ABA, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người Đ diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc H1 là: Ông Trần Văn L1, sinh năm 1956;

Địa chỉ cư trú: Số 10, khóm TĐB, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/11/2019).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1945;

Địa chỉ cư trú: Ấp AL, xã ABA, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang Đ là: Ông Nguyễn Quang B1, sinh năm 1964;

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường An Thạnh, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 13/12/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Nguyễn Thị Y (con ông T, bà H1), sinh năm 1966;

2. Chị Nguyễn Thị Thu T1 (con ông T, bà H1), sinh năm 1973;

3. Anh Nguyễn Thanh P (con ông T, bà H1), sinh năm 1971;

4. Anh Nguyễn Thanh C (con ông T, bà H1), sinh năm 1977;

5. Chị Nguyễn Thị T2 (con ông T, bà H1), sinh năm 1978;

6. Nguyễn Minh L2 (con anh C), sinh ngày 17/4/2006;

Người Đ diện theo pháp luật của Nguyễn Minh L2: Anh Nguyễn Thanh C, sinh năm 1977.

7. Nguyễn N1 Như Y1 (con chị T1), sinh ngày 19/01/2008;

8. Nguyễn Văn G (con chị T1), sinh ngày 01/4/2005;

Người Đ diện theo pháp luật của Nguyễn N1 Như Y1 và Nguyễn Văn G: Chị Nguyễn Thị T2 T1, sinh năm 1973.

9. Trần Nguyễn Phương U (con chị T2), sinh ngày 30/12/2007;

Người Đ diện theo pháp luật của Trần Nguyễn Phương U: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978.

Người Đ diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị T2 T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thanh C là: Anh Nguyễn Thanh P (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2020, ngày 16/3/2020, ngày 18/3/2020).

10. Bà Trần N1 K1 (vợ ông Đ), sinh năm 1949;

11. Chị Nguyễn Thị Bích N1 (con ông Đ, bà K1), sinh năm 1972;

12. Chị Nguyễn Thị Bích L1 (con ông Đ, bà K1), sinh năm 1974;

13. Chị Nguyễn Thị Bích P1 (con ông Đ, bà K1), sinh năm 1978;

14. Chị Nguyễn Thị Bích N2 (con ông Đ, bà K1), sinh năm 1980;

15. Chị Nguyễn Thị Bích H2 (con ông Đ, bà K1), sinh năm 1984;

16. Chị Nguyễn Thị Bích T1 (con ông Đ, bà K1), sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp AL, xã ABA, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người Đ diện theo ủy quyền của Trần N1 K1, Nguyễn Thị Bích N1, Nguyễn Thị Bích L1, Nguyễn Thị Bích P1, Nguyễn Thị Bích N2, Nguyễn Thị Bích H2, Nguyễn Thị Bích T1 là: Ông Nguyễn Quang B1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2020).

17. Ủy ban nhân dân thành phố HN.

Người Đ diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn Đ1 – Quyền Chủ tịch.

Địa chỉ: Đường Trần Phú, khóm An Thạnh A, phường An Lộc, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông L1, ông P, ông B1 có mặt; Chị T1, anh C, chị T2 UBND thành phố HN có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị N1 H1 có người Đ diện theo ủy quyền ông Trần Văn L1 trình bày:***

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông, bà ngoại của bà H1, để lại cho mẹ bà H1 là cụ Phan Thị D (đã chết) sử dụng từ năm 1940. Sau khi cụ D chết, bà H1 cùng chồng là ông T sử dụng cho đến nay. Trước đây, do nhà cặp mé sông, Nhà nước không cho đăng ký cấp giấy chứng nhận nên gia đình ông T, bà H1 không đi đăng ký, đến tháng 9/2019, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông T, bà H1 đến xã liên hệ để được cấp giấy đất thì được biết phần đất gia đình ông T, bà H1 trực tiếp sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Quang Đ. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ là không đúng quy định, do phần đất này gia đình ông T, bà H1 sử dụng, quản lý từ trước năm 1985 cho đến nay, có nhà của ông T, bà H1 trên đất nhưng ông Đ lại được cấp giấy. Hợp đồng mua bán ông Đ cho rằng: Đất này bà Đ3 bán cho Nguyễn N1 Anh và ông M2 là không đúng, mà đúng là hợp đồng bà Đ3 bán cho ông N1 Anh và vợ ông N1 Anh năm 1968.

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, ông T và bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận cho ông T, bà H1 quyền sử dụng đất diện tích 160m^2, theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 02-2020 (trong đó diện tích 102m^2, thuộc thửa số 154, tờ bản đồ số 22, do hộ ông Nguyễn Quang Đ đứng tên giấy

chứng nhận và diện tích 58m^2, thuộc thửa số 1360, tờ bản đồ số 22, đất chưa được cấp giấy chứng nhận), đất tại ấp AL, xã ABA, thị xã HN; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Quang Đ Đ3 với diện tích 102m^2, thuộc thửa số 154, tờ bản đồ số 22. Không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu trả giá trị diện tích đất tranh chấp là 70.000.000 đồng. Không đồng ý chừa lại 0,6m ngang, dài thẳng xuống sông ở vị trí giáp lộ làng hướng Bắc (phía dưới) để làm đường đi nhưng không ngăn cản, vì từ trước đến nay mọi người vẫn đi chung.

Tôi thống nhất theo biên bản thỏa thuận giá ngày 12/5/2020, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/01/2020. Tôi thống nhất chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất, ngoài ra nhà ở và tài sản khác trên đất tôi không tranh chấp.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Tôi yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

**** Bị đơn ông Nguyễn Quang Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần N1 K1, Nguyễn Thị Bích N1, Nguyễn Thị Bích L1, Nguyễn Thị Bích P1, Nguyễn Thị Bích N2, Nguyễn Thị Bích H2, Nguyễn Thị Bích T1 có người Đ diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Quang B1 trình bày:***

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Vương Thị Đ3 (con ông Vương Văn, bà Đ3 đã chết). Năm 1968, bà Đ3 đã chuyển nhượng cho ông Phan N1 Anh và Phan Văn M2 có chiều ngang 16m, chiều dài từ mé sông đến gần Quốc lộ 30 (khoảng 100m). Ông Anh và ông M2 đã chia đôi quyền sử dụng đất này, mỗi người được 08m chiều ngang và chiều dài từ mé sông đến gần Quốc lộ 30 (khoảng 100m). Sau đó, ông M2 không có nhu cầu ở trên đất này nên ngày 02/3/1985 âm lịch, ông M2 đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất này cho vợ chồng tôi, với giá 15 chỉ vàng 24kara, vợ chồng tôi đã trả đủ tiền, giao nhận đất, khi chuyển nhượng, hai bên có ký kết tờ nhượng nhà và sang chỗ đất ở đề ngày 18/02/1985. Sau khi giao nhận đất xong, vợ chồng tôi trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1985 cho đến nay. Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có căn nhà của bà Phan Thị Ria (đã chết), là chị ruột ông M2, mẹ ruột bà H1 ở đậu trên phần đất này, tôi có đến gặp bà Ria và vợ chồng ông T để kêu gia đình ông T mua lại quyền sử dụng đất này thì gia đình ông T cho rằng "thôi để vợ chồng ông Đ mua đi, mẹ con tôi chỉ ở đậu (ở nhờ) là được rồi". Tôi đã nhiều lần đến gặp gia đình ông T yêu cầu mua lại nhưng ông T không chịu. Việc gia đình ông T hỏi ở nhờ trên đất là chỉ hỏi miệng. Tôi nhận chuyển nhượng hợp pháp, sử dụng đất ổn định, thực hiện đóng thuế đầy đủ. Đến năm 2000, tôi đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2016, được tách thửa theo từng loại để cấp sổ riêng.

Qua yêu cầu của các nguyên đơn, tôi có ý kiến như sau: Đ3 với diện tích đo đạc thực tế 102m^2, thuộc thửa số 154, tờ bản đồ số 22, do hộ tôi đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tôi không thống nhất thu hồi giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của hộ tôi, không thống nhất công nhận quyền sử dụng đất này cho gia đình ông T, bà H1, do quyền sử dụng đất này tôi được cấp giấy chứng nhận hợp pháp. Đ3 với quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 58m^2, thuộc thửa số 1360, tờ bản đồ số 22, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tôi không tranh chấp, không phải quyền sử dụng đất của tôi nên thống nhất việc Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ai thì người đó hưởng.

Tuy nhiên, để giữ tình nghĩa hai bên, tôi thống nhất nếu gia đình nguyên đơn tiếp tục ở trên quyền sử dụng đất này thì phải trả giá trị quyền sử dụng đất Đ3 với diện tích 102m^2 cho tôi với tổng số tiền là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) và hộ tôi sẽ làm thủ tục chuyển quyền theo quy định. Yêu cầu phía ông T, bà H1 và các thành viên trong hộ phải chừa lại 0,6m ngang, dài thẳng xuống sông ở vị trí giáp lộ làng hướng Bắc (phía dưới) để làm đường đi.

Tôi thống nhất theo biên bản thỏa thuận giá ngày 12/5/2020, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/01/2020. Tôi thống nhất chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất, ngoài ra nhà ở và tài sản khác trên đất tôi không tranh chấp.

Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đ không thế chấp hay cầm cố cho ai và hiện do ông Đ đang giữ.

* ***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T2 T1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thanh C có người Đ diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Thanh P trình bày***:

T1, T2, Hằng, Y, C là con ruột của ông T và bà H1. Chúng tôi thống nhất theo yêu cầu và ý kiến của ông T, bà H1, do ông Trần Văn L1 là đại diện. Ngoài ra, chúng tôi không yêu cầu, ý kiến nào khác.

Qua yêu cầu của các nguyên đơn, chúng tôi thống nhất với việc yêu cầu Tòa án công nhận cho ông T, bà H1 quyền sử dụng đất diện tích 160m^2, theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 02-2020 (trong đó diện tích 102m^2, thuộc thửa số 154, tờ bản đồ số 22, do hộ ông Nguyễn Quang Đ đứng tên giấy chứng nhận và diện tích 58m^2, thuộc thửa số 1360, tờ bản đồ số 22, đất chưa được cấp giấy chứng nhận), đất tại ấp AL, xã ABA, thị xã HN; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Quang Đ đối với diện tích 102m^2, thuộc thửa số 154, tờ bản đồ số 22. Không đồng ý trả giá trị diện tích đất tranh chấp là 70.000.000 đồng cho ông Đ. Không đồng ý chừa lại 0,6m ngang, dài thẳng xuống sông ở vị trí giáp lộ làng hướng Bắc (phía dưới) để làm đường đi nhưng không ngăn cản, vì từ trước đến nay mọi người vẫn đi chung.

Chúng tôi thống nhất theo biên bản thỏa thuận giá ngày 12/5/2020, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/01/2020. Chúng tôi thống nhất chỉ tranh chấp

quyền sử dụng đất, ngoài ra nhà ở và tài sản khác trên đất chúng tôi không tranh chấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu của ông T, bà H1. Công nhận cho hộ ông T sử dụng diện tích đất 102m^2 thửa 154. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 102m^2 thửa 154.

+ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả giá trị đất 70.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện UBND thành phố HN và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T1, anh C, chị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Do đương sự có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sư dụng đất là quyết định cá biệt nên thuộc thẩm quyên giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về quyền sử dụng đất", "Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các đương sự đều xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì các đương sự không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện Đ3 với diện tích 58m^2 thuộc thửa 1360, đất tọa lạc tại ấp AL, xã ABA, thành phố HN do là đất bãi bồi, chưa được cấp giấy, không có tranh cháp, xét thấy phù hợp nên chấp nhận, đình chỉ giải quyết phần này.

[3] Các nguyên đơn ông T, bà H1 khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất do hộ ông Đ đứng tên, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 102m^2 thửa 154, Tờ bản đồ số 22, loại đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp AL, xã ABA, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nguồn gốc đất: Các bên đều thừa nhận phần đất tranh chấp là của ông bà để lại nên không cần phải chứng minh.

- Về quá trình sử dụng đất:

Bên ông T, bà H1 cho rằng đất là của bà ngoại của bà H1 để lại cho mẹ của bà H1 là cụ D. Sau khi cụ D chết để lại cho bà H1, ông T sử dụng do bà H1, ông T ở chung nhà với cụ D. Gia đình cụ D, bà H1 sử dụng đất từ năm 1940 và cất nhà ở từ đó cho đến nay.

Bên ông Đ thì cho rằng phần đất tranh chấp là do cụ Ngọc A1 (cha của ông Đ) chuyển nhượng của ông M2 từ năm 1985.

Căn cứ vào Công văn số 541/UBND-HC ngày 24/4/2020 của UBND tành phố HN về việc cung cấp thông tin thì đất này do gia đình cụ D, bà H1 sử dụng từ rất lâu.

Theo lời khai của những người làm chứng đều khai là đất của cụ D, bà H1 ở từ trước đến nay.

- Về thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất: Năm 2000 UBND thị xã HN cấp QSD đất cho hộ ông Đ. Tuy nhiên, cũng theo Công văn số 541/UBND-HC ngày 24/4/2020 của UBND tành phố HN về việc cung cấp thông tin xác định khi cấp giấy không có đo đạc thực tế nên không biết có nhà của ông T, bà H1 có trên đất.

Từ các cơ sở trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất do ông Đ đứng tên, chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 102m^2 thửa 154, Tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại ấp AL, xã ABA, thành phố HN.

[4] Đ3 với yêu cầu phản tố của ông Đ về việc yêu cầu ông T, bà H1 trả giá trị đất 70.000.000đ và yêu cầu hộ ông T, bà H1 chừa lối đi ngang 0,6m, dài từ lộ làng đến mé sông, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do công nhận QSD đất cho ông T, bà H1 như đã phân tích ở trên, cho nên không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ Đ3 với số tiền trả giá trị đất 70.000.000đ.

Về yêu cầu sử dụng lối đi, do nguyên đơn thống nhất đây là lối đi chung từ trước đến nay và là lối đi của nhiều hộ dân khác trong đó có hộ ông Đ nên không đồng ý giao quyền sử dụng lối di chung cho riêng hộ ông Đ. Xét thấy yêu cầu của ông Đ là không phù hợp cho nên không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ phần này.

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ nên ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn theo quy định của pháp luật.

[5] Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất diện tích 102m^2 thửa số 154, Tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại ấp AL, xã ABA, thành phố HN do hộ ông Đ đứng tên để cấp lại QSD đất cho hộ bà H1, ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các vào các Điều 26, 34, 37, Điều 147, 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiển của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc H1 do rút yêu cầu phần diện tích 58m^2 thuộc thửa số 1360, tờ bản đồ số 22 (đất chưa được cấp giấy chứng nhận), đất tọa lạc tại ấp AL, xã ABA, thành phố HN.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc H1.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã HN (nay là thành phố HN) cấp cho hộ ông Nguyễn Quang Đ Đ3 với phần diện tích đất 102m^2, loại đất nuôi trồng thủy sản, thửa đất số 154, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại ấp AL, xã ABA, thành phố HN, do hộ ông Nguyễn Quang Đ đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

Công nhận cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc H1 được quyền sử dụng dất diện tích 102m^2 thuộc thửa 154, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại ấp AL, xã ABA, thành phố HN.

Hộ hộ ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc H1 có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất với diện tích được công nhận trên.

(*Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/01/2020 của Tòa án thị xã HN và Sơ đồ đo đạc ngày 09/3/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thị xã HN*).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Quang Đ về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc H1 trả giá trị đất 70.000.000đ và yêu cầu hộ Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc H1 ông T, bà H1 chừa lối đi ngang 0,6m, dài từ lộ làng đến mé sông.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc H1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Quang Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

6. Về chi phí: Ông Nguyễn Quang Đ phải nộp 400.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá. Các nguyên đơn đã nộp và chi xong nên ông Nguyễn Quang Đ phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc H1 số tiền 400.000đ.

Án xử công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- Cục THADS Tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Thông